

**Học phần: Toán cao cấp 2**

Nhóm: 1

**Số tín chỉ:**

**Ngày thi: 18.06.2016**

**Giờ thi: 8h**

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm BTTL	Điểm THI	Điểm KTHP	Ghi chú
<b>Trọng số:</b>				<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>70</b>		
1	B15DCKT008	Nguyễn Thị Lan <b>Anh</b>	D15CQKT04-B	10,0	5,0	7,0	9,0	<b>8,5</b>	
2	B15DCMR002	Nguyễn Thị Vân <b>Anh</b>	D15CQMR02-B	10,0	8,0	7,0	5,5	<b>6,4</b>	
3	B15DCMR004	Trần Phương <b>Anh</b>	D15CQMR01-B	8,0	4,0	5,0	2,0	<b>3,1</b>	
4	B15DCMR005	Trần Thị Phương <b>Anh</b>	D15CQMR02-B	10,0	10,0	10,0	9,0	<b>9,3</b>	
5	B15DCMR013	Bùi Linh <b>Chi</b>	D15CQMR01-B	8,0	6,0	5,0	6,5	<b>6,5</b>	
6	B15DCMR016	Phạm Hải <b>Đăng</b>	D15CQMR01-B	8,0	7,0	5,0	3,5	<b>4,5</b>	
7	B15DCQT022	Lê Đức <b>Đạt</b>	D15CQQT02-B	8,0	7,0	5,0	3,0	<b>4,1</b>	
8	B15DCQT025	Lâm Thị Ngọc <b>Diệu</b>	D15CQQT01-B	10,0	9,0	7,0	4,0	<b>5,4</b>	
9	B15DCKT026	Nguyễn Việt <b>Đức</b>	D15CQKT02-B	8,0	6,0	7,0	1,5	<b>3,2</b>	
10	B15DCMR021	Đoàn Phương <b>Dung</b>	D15CQMR03-B	0,0	0,0	0,0		<b>0,0</b>	Không đủ ĐKDT
11	B15DCQT034	Nguyễn Anh <b>Dương</b>	D15CQQT02-B	10,0	7,0	7,0	3,0	<b>4,5</b>	
12	B15DCMR026	Hoàng Thị <b>Duyên</b>	D15CQMR02-B	4,0	5,0	7,0	5,0	<b>5,1</b>	
13	B15DCQT037	Đặng Thị <b>Giang</b>	D15CQQT01-B	10,0	10,0	8,0	8,5	<b>8,8</b>	
14	B15DCQT038	Đỗ Thị Hà <b>Giang</b>	D15CQQT02-B	10,0	9,0	8,0	4,5	<b>5,9</b>	
15	B15DCKT034	Nguyễn Thùy Linh <b>Giang</b>	D15CQKT02-B	8,0	10,0	8,0	1,5	<b>3,7</b>	
16	B15DCKT041	Đỗ Thị <b>Hằng</b>	D15CQKT01-B	10,0	4,5	7,0	2,5	<b>3,9</b>	
17	B15DCQT046	Nguyễn Minh Diệp <b>Hằng</b>	D15CQQT02-B	10,0	8,0	7,0	6,5	<b>7,1</b>	
18	B15DCKT040	Trần Thu <b>Hằng</b>	D15CQKT04-B	8,0	10,0	7,0	4,0	<b>5,3</b>	
19	B15DCQT049	Nguyễn Thị <b>Hạnh</b>	D15CQQT01-B	10,0	8,0	8,0	5,0	<b>6,1</b>	
20	B15DCKT061	Lê Thị <b>Hòa</b>	D15CQKT01-B	10,0	9,0	8,0	3,5	<b>5,2</b>	
21	B15DCKT060	Nguyễn Thị <b>Hòa</b>	D15CQKT04-B	9,0	5,0	7,0	5,0	<b>5,6</b>	
22	B15DCTT029	Vương Thị <b>Hoàn</b>	D15CQTT01-B	8,0	9,0	8,0	5,0	<b>6,0</b>	
23	B15DCTT030	Lương Đình <b>Hoàng</b>	D15CQTT02-B	0,0	0,0	0,0		<b>0,0</b>	Không đủ ĐKDT
24	B15DCKT062	Khương Thị Thúy <b>Hồng</b>	D15CQKT02-B	10,0	8,0	8,0	4,0	<b>5,4</b>	
25	B15DCKT068	Nguyễn Thị <b>Hương</b>	D15CQKT04-B	10,0	5,0	7,0	3,0	<b>4,3</b>	
26	B15DCKT067	Nguyễn Thu <b>Hương</b>	D15CQKT03-B	10,0	9,0	7,0	5,0	<b>6,1</b>	
27	B15DCMR037	Nguyễn Ngọc <b>Huy</b>	D15CQMR01-B	0,0	0,0	0,0		<b>0,0</b>	Không đủ ĐKDT
28	B15DCQT094	Hoàng Thị <b>Huyền</b>	D15CQQT02-B	8,0	6,5	7,0	2,0	<b>3,6</b>	
29	B15DCKT085	Nguyễn Thị <b>Lệ</b>	D15CQKT01-B	8,0	5,0	7,0	5,5	<b>5,9</b>	
30	B15DCMR047	Nguyễn Thị <b>Lệ</b>	D15CQMR02-B	8,0	9,0	8,0	2,0	<b>3,9</b>	
31	B15DCQT104	Nguyễn Thị Khánh <b>Linh</b>	D15CQQT04-B	6,0	6,0	7,0	2,5	<b>3,7</b>	
32	B15DCMR050	Nguyễn Thùy <b>Linh</b>	D15CQMR02-B	4,0	1,0	5,0	1,0	<b>1,7</b>	
33	B15DCMR053	Vũ Thị Phương <b>Loan</b>	D15CQMR02-B	10,0	6,0	8,0	4,0	<b>5,2</b>	
34	B15DCQT113	Lê Văn <b>Long</b>	D15CQQT01-B	8,0	8,0	8,0	3,5	<b>4,9</b>	

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm BTTL	Điểm THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:				10	10	10	70		
35	B15DCKT098	Khúc Thị Lương	D15CQKT02-B	10,0	8,0	8,0	3,5	5,1	
36	B15DCKT100	Lương Thị Khánh Ly	D15CQKT04-B	8,0	7,0	7,0	9,5	8,9	
37	B15DCMR056	Vũ Thị Lý	D15CQMR02-B	10,0	10,0	8,0	9,0	9,1	
38	B15DCKT106	Lê Phương Mai	D15CQKT02-B	10,0	10,0	9,0	7,5	8,2	
39	B15DCQT117	Tạ Thị Ngọc Mai	D15CQQT01-B	8,0	6,5	7,0	5,5	6,0	
40	B15DCMR058	Đỗ Hồng Minh	D15CQMR01-B	8,0	9,0	8,0	5,0	6,0	
41	B15DCQT118	Lê Minh	D15CQQT02-B	6,0	5,0	7,0	1,0	2,5	
42	B15DCMR059	Trần Thị Phương Minh	D15CQMR02-B	6,0	9,0	6,0	3,0	4,2	
43	B15DCKT113	Nguyễn Hà My	D15CQKT01-B	10,0	6,5	7,0	4,5	5,5	
44	B15DCMR065	Từ Hoàng Nam	D15CQMR02-B	4,0	2,0	5,0	4,5	4,3	
45	B15DCMR070	Nguyễn Thị Ngọc	D15CQMR01-B	6,0	3,0	5,0	3,5	3,9	
46	B15DCQT126	Trương Thị Ngọc	D15CQQT02-B	10,0	8,0	8,0	5,0	6,1	
47	B15DCKT126	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	D15CQKT02-B	8,0	7,5	8,0	4,0	5,2	
48	B15DCMR071	Trần Thị Nguyệt	D15CQMR02-B	4,0	6,0	8,0	1,5	2,9	
49	B15DCKT131	Lưu Thị Hồng Nhung	D15CQKT03-B	10,0	5,0	7,0	7,0	7,1	
50	B15DCKT129	Trần Thị Nhung	D15CQKT01-B	10,0	8,0	7,0	4,5	5,7	
51	B15DCKT138	Nguyễn Thị Phương	D15CQKT02-B	8,0	8,0	8,0	3,0	4,5	
52	B15DCQT142	Nguyễn Thủy Quỳnh	D15CQQT02-B	10,0	7,0	8,0	3,0	4,6	
53	B15DCMR086	Nguyễn Ngọc Sơn	D15CQMR02-B	8,0	3,0	6,0	3,5	4,2	
54	B15DCMR092	Đào Thị Thắm	D15CQMR02-B	6,0	9,0	8,0	1,5	3,4	Thi cùng nhóm 10
55	B15DCKT157	Mai Thị Thắm	D15CQKT01-B	10,0	4,5	7,0	1,0	2,9	
56	B15DCMR094	Trần Thị Phương Thảo	D15CQMR01-B	10,0	10,0	9,0	8,5	8,9	
57	B15DCKT160	Vũ Thị Thanh Thảo	D15CQKT04-B	10,0	4,0	7,0	6,5	6,7	
58	B15DCPT218	Chu Thị Thu	D15CQPT03-B	10,0	8,0	8,0	10,0	9,6	
59	B15DCKT178	Đào Thị Thúy	D15CQKT02-B	8,0	8,0	7,0	3,0	4,4	
60	B15DCKT177	Nguyễn Thị Thúy	D15CQKT01-B	10,0	10,0	8,0	4,0	5,6	
61	B15DCKT182	Mạc Thị Thu Thủy	D15CQKT02-B	10,0	8,0	8,0	3,0	4,7	
62	B15DCKT183	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	D15CQKT03-B	8,0	9,0	8,0	5,0	6,0	
63	B15DCQT173	Trần Minh Tiến	D15CQQT01-B	6,0	0,0	5,0		1,1	Không đủ ĐKDT
64	B15DCMR109	Nguyễn Ngọc Trâm	D15CQMR01-B	8,0	9,0	7,0	7,5	7,7	
65	B15DCQT181	Chu Hiền Trang	D15CQQT01-B	10,0	7,5	8,0	3,5	5,0	
66	B15DCKT188	Đào Thị Kiều Trang	D15CQKT04-B	10,0	9,0	8,0	7,5	8,0	
67	B15DCMR110	Lê Huyền Trang	D15CQMR02-B	10,0	9,0	7,0	8,0	8,2	
68	B15DCQT178	Nguyễn Doãn Thị Trang	D15CQQT02-B	10,0	10,0	8,0	7,0	7,7	
69	B15DCQT179	Nguyễn Hà Trang	D15CQQT03-B	6,0	8,0	8,0	3,5	4,7	
70	B15DCMR113	Vũ Thị Trang	D15CQMR02-B	6,0	5,0	5,0	5,5	5,5	

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm BTTL	Điểm THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:				10	10	10	70		
71	B15DCMR112	Vũ Thùy Trang	D15CQMR01-B	10,0	10,0	9,0	9,0	9,2	
72	B15DCMR117	Đoàn Hữu Trọng	D15CQMR03-B	10,0	7,0	7,0	6,5	7,0	
73	B15DCMR118	Nguyễn Quốc Trung	D15CQMR01-B	8,0	4,0	7,0	3,5	4,4	
74	B15DCMR121	Đỗ Ngọc Anh Tú	D15CQMR01-B	8,0	9,0	7,0	2,5	4,2	
75	B15DCPT257	Nguyễn Anh Tuấn	D15CQPT02-B	10,0	10,0	8,0	5,0	6,3	
76	B15DCMR127	Ngô Mạnh Việt	D15CQMR01-B	6,0	2,0	7,0	7,0	6,4	
77	B15DCPT271	Trần Ngọc Vinh	D15CQPT01-B	10,0	10,0	7,0	3,5	5,2	
78	B15DCMR128	Hà Ngọc Yến	D15CQMR02-B	10,0	5,0	8,0	2,0	3,7	
79	B15DCKT211	Nguyễn Hải Yến	D15CQKT03-B	8,0	4,5	7,0	3,0	4,1	
80	B15DCKT210	Phạm Thị Hải Yến	D15CQKT02-B	10,0	8,0	8,0	3,0	4,7	
81	B112402087	Ninh cao Pháp	D11kt2	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT

**Ghi chú:**

- Số SV theo DS:	61	SV	- Số SV dự thi:	56	SV
- Số SV thi đạt:	42	SV	- Số SV vắng thi:	0	SV
- Số SV thi không đạt:	13	SV	- Số SV vắng thi có phép:	0	SV
- Số SV thi lại:	0	SV			

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2016

**CÁN BỘ KHỚP PHÁCH**

**TRƯỞNG TRUNG TÂM**

**SỐ 1**

**SỐ 2**

**Nguyễn Cảnh Châu**

**Ngô Hồng Quân**

**Nguyễn Xuân Trường**